TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/20121/DS-ST
Ngày 14/12/2021
V/v: T/c " hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận
2. Ông Nguyễn Phước Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông Lê Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST- DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS ngày 17/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/QĐST-DS ngày 14/7/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 289/TB-TA ngày 08/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty luật TNHH Một thành viên A D.

Trụ sở: Số 124C đường 2/9 Ql 51B, phường a, thành phố VT, tỉnh BR. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần A D – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kiều M, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 1, ấp SĐ, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG. Theo giấy ủy quyền số: 02/2021/UQ-GĐ ngày 5/10/2021 bà My có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 19/11/2021.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc Q, 1954; địa chỉ: Khu phố a, phường AT, thành phố PQ, tỉnh KG và bà Đặng Thị Th, 1954 (vợ ông Q cùng địa chỉ) vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: ẤpA, xã H H, huyện XM, tỉnh BR; địa chỉ liên lạc: Tổ 1, ấp SĐ, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG, ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 19/11/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty luật TNHH Một thành viên A D (viết tắt là Công ty A D) do ông Trần A D đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho bà Lê Thị Kiều M đại diện trình bày: Ngày 23/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc) tỉnh Kiên Giang (viết tắt là UBND thành phố Phú Quốc) ban hành Quyết định số 7766/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 1.979m^2 đối với ông Nguyễn Phúc Q để thực hiện dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm, Phú Quốc. Ngày 28/12/2016, UBND thành phố Phú Quốc ban hành Quyết định số: 8065/QĐ-UBND, về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Quả số tiền 2.125.446.000đồng. Ông Q không đồng ý với việc bồi thường hỗ trợ của UBND thành phố Phú Quốc. Ngày 03/02/2017, ông Q ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 41/2017/HĐ-ADL với Công ty A D để khiếu nại yêu cầu UBND thành phố Phú Quốc bồi thường, hỗ trợ tái định cư bổ sung cho ông Quả đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý Công ty A D đã tư vấn cụ thể chi tiết cho ông Q theo quy định của pháp luật. Ngày 15/2/2017, công ty nộp đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 23/8/2017, ông Q ký giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H tham gia toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại tại các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 31/8/2017, ông H đại diện cho ông Q làm việc với đoàn xác minh của UBND thành phố Phú Quốc. Ngày 29/5/2018, Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Phú Quốc ra thông báo số: 65/TB-VP về việc thông báo kết quả của chủ tịch UBND thành phố Phú Quốc với nội dung giao Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát tính lại giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm có nhân hệ số điều chỉnh.

Ngày 17/12/2018, UBND thành phố Phú Quốc ban hành Quyết định số 5609/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Q nội dung thống nhất bổ sung quyết định số: 8065/QĐUBND ngày 28/12/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và bổ sung giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cá nhân hệ số điều chỉnh giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2019, Thanh tra thành phố Phú Quốc ban hành tờ trình số 01/TTr-TTr về việc xin chủ trương áp giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Ngày 16/01/2019 Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Phú Quốc ra công

văn số 168/VP-NCPC nội dung thống nhất đề xuất của Thanh tra. Giao ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện xong trước tết Nguyên Đán.

Ngày 24/01/2019 UBND thành phố Phú Quốc ban hành Quyết định số: 362/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân. Ngày 01/02/2019, UBND thành phố Phú Quốc đã phối hợp với các cơ quan tiến hành chi trả tiền bồi thường bổ sung cho các hộ dân, trong đó ông Q đã nhận số tiền là 445.275.000 đồng.

Theo Điều 3 của hợp đồng dịch vụ thì ông Q phải thanh toán cho Công ty luật A D số tiền 445.275.000 đồng x 50% = 222.637.500 đồng. Tuy nhiên, khi ông Quả nhận được tiền cho đến nay Công ty luật A D đã nhiều lần đề nghị ông Q thanh toán tiền dịch vụ pháp lý nhưng ông Q không thực hiện.

Ngày 22/4/2019, Công ty A D khởi kiện yên cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà Thái (vợ ông Q) phải thanh toán cho Công ty A D số tiền là 545.461.875 đồng (trong đó, tiền dịch vụ pháp lý 222.637.500 đồng, tiền lãi chậm trả theo hợp đồng 100.186.875 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng 222.637.500 đồng).

Ngày 08/10/2019, Công ty A D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 222.637.500 đồng đối với ông Q và bà Th. Yêu cầu ông Q và bà Th phải trả cho Công ty A D số tiền là 322.824.375 đồng (trong đó, tiền dịch vụ pháp lý 222.637.500 đồng và tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 100.186.875 đồng).

Ngày 08/5/2021 Công ty A D có đơn xin rút số tiền tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 100.186.875 đồng.

Nay Công ty A D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phúc Q, bà Đặng Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho ông ty A D tiền dịch vụ pháp lý 222.637.500 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Phúc Q tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải trình bày: Vợ chồng ông có diện tích đất 1.979m^2 tọa lạc tại khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Ngày 23/12/2016, UBND thành phố Phú Quốc ra Quyết định thu hồi để làm dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm Phú Quốc và bồi thường cho vợ chồng ông số tiền 2.125.446.000 đồng. Tuy nhiên, do việc bồi thường hỗ trợ chưa được thỏa đáng nên ngày 15/2/2017, vợ chồng ông có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố Phú Quốc và UBND tỉnh Kiên Giang để yêu cầu xem xét lại giá đất đã bồi thường, hỗ trợ về việc tái định cư để ổn định cuộc sống sản xuất. Đơn khiếu nại đã được UBND thành phố Phú Quốc thụ lý và đang trong giai đoạn xem xét xử

lý đơn. Năm 2017, vợ chồng ông được anh Tâm người có hộ khẩu ở phường An Thới vận động bà con làm đơn khiếu nại và anh Tâm giới thiệu cho ông gặp ông H là luật sư để lập hồ sơ khiếu nại cho bà con. Sau đó, ông Tâm thông báo để ký hợp đồng, khi ký ông cũng không xem xét kỷ. Tháng 3 năm 2019, ông có nhận được thư của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang gửi cho ông theo đường bưu điện trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trả lại bộ hồ sơ mà ông H trực tiếp gửi đi và có giấy hướng dẫn ông làm đơn khiếu nại lên UBND thành phố Phú Quốc giải quyết thì ông có điện báo cho ông H biết. Tháng 8/2017, ông tự viết đơn gửi UBND thành phố Phú Quốc được thanh tra thành phố mời đến văn phòng UBND phường An Thới làm việc. Qua ngày hôm sau ông H bảo nhân viên mang giấy ủy quyền cho ông ký tên, khi ký ông đọc giấy ủy quyền thì không có ghi thù lao. Từ ngày ký hợp đồng đến tháng 01 năm 2019, ông H không cung cấp cho ông biết về thông tin bồi thường. Sau đó, UBND thành phố Phú Quốc giao cho ông quyết định bồi thường bổ sung của quyết định số 2016 và thông báo cho ông đi nhận tiền. Nay ông không chấp nhận theo yêu cầu của công ty luật A Dg.

- Bị đơn bà Đặng Thị Th (vợ ông Nguyễn Phú Q) được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc kiểm tra, giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai bà Th vẫn không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện nên không có lời khai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông là nhân viên của Công ty A D cử đến Phú Quốc tham khảo một số hồ sơ liên quan đến việc bồi thường, Công ty phân công ông đại diện cho ông Q bà Th làm việc với đoàn xác minh. Khi có kết quả giải quyết khiếu nại ông Q bà Th đã nhận được tiền bồi thường nhưng không thanh toán tiền dịch vụ pháp lý cho công ty A D. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tính từ ngày thụ lý 27/9/2019 đến ngày 17/6/2020 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tính từ ngày hoãn phiên tòa 16/7/2021 đến ngày 19/5/2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn hoãn phiên tòa cần rút kinh nghiệm chung.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ Điều 238 và khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015; Điều 513, 514, 515, 518 và 519 BLDS năm 2015. Căn cứ Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Luật TNHH Một thành viên A D đối với yêu cầu tiền phạt 222.637.500 đồng và tiền lãi chậm trả 100.186.875 đồng. Tổng cộng là 322.824.375 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

Chấp nhận đơn yêu cầu của Công ty Luật TNHH Một thành viên A D đối với ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th về tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Buộc ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền thù lao dịch vụ cho Công ty Luật TNHH Một thành viên A D số tiền 222.637.500 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH, ngày 19/12/2016.

Miễn tiền án phí giá ngạch của ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th.

Trả lại số tiền 12.909.000 đồng (tiền tạm ứng án phí) cho Công ty Luật TNHH Một thành viên A D theo biên lai tạm thu ngày 29/9/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi công bố tóm tắc nội dung vụ án và tài liệu và nội dung chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty luật TNHH Một thành viên A D khởi kiện ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th có nơi cư trú tại khu phố 3, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có yêu cầu phản tố và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A D:

Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn Công ty A D khởi kiện bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A D tiền dịch vụ pháp lý 222.637.500 đồng. Việc bị đơn ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với nguyên đơn và bị đơn ký ủy quyền cho ông Hải đại diện thực hiện khiếu nại cho bị đơn là hoàn toàn tự nguyện. Qua điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa nguyên đơn với bị đơn là đảm bảo các Điều kiện có hiệu lực. Theo Điều 513 Bộ luật dân sự quy định: *"Hợp đồng*

dịch vụ là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”. Do đó, các bên tham gia ký kết hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

Tại Điều 1 của hợp đồng bị đơn nhận thấy Quyết định số: 8065/QĐ-UBND của UBND thành phố Phú Quốc, về việc bồi thường, hỗ trợ cho bị đơn chưa đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn tư vấn pháp luật, hoàn thiện hồ sơ khiếu nại để yêu cầu UBND thành phố Phú Quốc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 2 của hợp đồng bị đơn cam kết thanh toán cho nguyên đơn tiền dịch vụ là 50% trên tổng số tiền mà bị đơn đã được nhận bồi thường bổ sung. Phương thức thanh toán khi bị đơn nhận được tiền bồi thường bổ sung sẽ thanh toán cho nguyên đơn một lần. Nếu không thực hiện việc thanh toán thì bị đơn chịu phạt chậm trả 0,5% /ngày tính từ ngày bị đơn nhận tiền. Trong quá trình nguyên đơn thực hiện hợp đồng đã hoàn thành, bị đơn đã nhận tiền bổ sung số tiền là 445.275.000 đồng. Như vậy, hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn trên thực tế đã chấm dứt mà bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng cho nên có cơ sở xác định bị đơn vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ pháp lý theo hợp đồng là 222.637.500 đồng là có căn cứ. Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện số tiền phạt vi phạm 222.637.500 đồng và tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 100.186.875 đồng) đối với ông Quả bà Thái là tự nguyện nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến trình bày của bị đơn ông Nguyễn Phúc Q:

Hội đồng xét xử xét thấy, Bị đơn cho rằng việc bị đơn ký hợp đồng với ông H là do bị đơn không xem xét kỷ hợp đồng nên bị đơn không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý chỉ có một mình ông Q ký, việc này bà Th biết nhưng không phản đối. Tuy nhiên, ông Q ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty A D để Công ty A D tư vấn pháp lý và hổ trợ khiếu nại nhằm mục đích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cả vợ chồng ông Q và bà Th để được bồi thường bổ sung nên căn cứ Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Th phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện.

Từ những nhận định trên, sau khi nghị án thảo luận Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Buộc bị đơn phải trả tiền dịch vụ pháp lý cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí được hoàn trả tiền tạm ứng án phí; Bị đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147 và 238, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 513, 514, 515, 518 và 519, Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, 30 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình yêu cầu của nguyên đơn Công ty luật TNHH Một thành viên A D đối với bị đơn ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th về việc xin rút yêu cầu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 222.637.500 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 100.186.875 đồng (Một trăm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Tổng cộng là 322.824.375 đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu tám trăm hai mười bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty luật TNHH Một thành viên A D đối với bị đơn ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th về tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

3. Buộc bị đơn ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán thù lao dịch vụ cho Công ty luật TNHH Một thành viên A D do ông Trần A D đại diện theo pháp luật số tiền là 222.637.500 đồng (Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty luật TNHH Một thành viên A D yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí. Được hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà

Công ty luật TNHH Một thành viên A D đã nộp 12.909.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm lẽ chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 000 6866 ngày 29/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Phúc Q và bà Đặng Thị Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên được Tòa án chấp nhận, nhưng do người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

Các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỒ VĂN BÌNH

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSNDTP Phú Quốc;
- CC.THADSTP Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.